

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035 trên địa bàn thành phố Huế

Thực hiện Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ); Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức cụ thể hóa kịp thời và thực hiện đầy đủ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ.
- Xác định rõ nội dung nhiệm vụ, thời hạn, tiến độ hoàn thành, sản phẩm, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ bảo đảm đồng bộ, thống nhất và hiệu quả.
- Xác định cơ chế phối hợp giữa các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường trong việc tiến hành các hoạt động triển khai thực hiện Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ trên địa bàn thành phố Huế.

2. Yêu cầu

- Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ để xây dựng giải pháp, cơ chế quản lý, điều hành Chương trình chặt chẽ; bảo đảm việc thực hiện Nghị quyết nghiêm túc, hiệu quả, chất lượng, đúng quy định của pháp luật, sử dụng vốn tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, phòng chống lãng phí, tiêu cực.
- Cụ thể hoá nhiệm vụ, giải pháp triển khai thực hiện chương trình thông qua việc rà soát, tham mưu ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản quản lý điều hành theo thẩm quyền bảo đảm đủ hành lang pháp lý, tạo thuận lợi cho quá trình triển khai thực hiện, huy động nguồn lực thực hiện Chương trình.

c) Xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm, tiến độ thực hiện của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nội vụ và các Sở, ngành có nội dung thực hiện thuộc Chương trình, Ủy ban nhân dân các xã, phường trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ.

II. NỘI DUNG

1. Tổ chức quán triệt, tuyên truyền và phổ biến sâu rộng Nghị quyết số 257/2025/QH15, Nghị quyết, Quyết định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương đến các cấp, các ngành và Nhân dân nhằm tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện nội dung, nhiệm vụ của Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ theo yêu cầu.

3. Rà soát, xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành Kế hoạch và tổ chức thực hiện theo thẩm quyền và các văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn thực hiện của Trung ương.

4. Tổ chức phê duyệt, triển khai thực hiện Chương trình theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát ở các cấp, các ngành trong quá trình triển khai, thực hiện Chương trình bảo đảm đúng mục tiêu, nhiệm vụ đã được phê duyệt.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường chủ động, tích cực triển khai các nội dung Kế hoạch này theo nhiệm vụ được phân công, bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Là cơ quan thường trực tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Chương trình; chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường:

- Rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân liên quan đến cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Hằng năm, tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Chính phủ, Hội đồng nhân dân thành phố về kết quả thực hiện Chương trình theo quy định vào kỳ họp cuối năm hoặc theo yêu cầu.

- Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo tổ chức thực hiện; phối hợp với Văn phòng Điều phối Chương trình theo dõi, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường rà soát, hoàn thiện, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định ban hành danh sách xã thuộc nhóm 1, nhóm 2 và nhóm 3 để áp dụng Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Quy định khung thí điểm xây dựng xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030; quy định việc áp dụng các tiêu chí theo từng nhóm xã trên địa bàn thành phố.

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2026-2030 và Kế hoạch thực hiện hằng năm; Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP thành phố và Tổ tư vấn giúp việc Hội đồng; Quy chế hoạt động của Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP thành phố giai đoạn 2026-2030.

d) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường rà soát, đánh giá, thẩm định các chỉ tiêu, tiêu chí nông thôn mới; tích hợp các quy định, hướng dẫn có liên quan để ban hành sổ tay, cẩm nang hướng dẫn thực hiện Chương trình theo hướng số hóa; nghiên cứu xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố, thu hồi quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định.

2. Sở Nội vụ

a) Chủ trì tham mưu, hướng dẫn tổ chức thực hiện các nội dung liên quan đến công tác dân tộc thuộc chức năng, nhiệm vụ của Sở Nội vụ; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các Sở, ngành liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo lĩnh vực.

b) Chủ trì tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố công bố danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn và xã khu vực I, II, III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030.

c) Chủ trì tổng hợp, đề xuất kế hoạch và dự kiến phương án phân bổ vốn thực hiện Hợp phần thứ hai đối với các nội dung đặc thù phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 và hằng năm gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng và ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào “Cả nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035”.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng kế hoạch cân đối, bố trí vốn đầu tư công trung hạn 5 năm, dự toán ngân sách nhà nước 5 năm 2026-2030 để đảm bảo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung thành phần của chương trình và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện Chương trình; đảm bảo không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản trong quá trình triển khai.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các Sở, ngành liên quan tham mưu phân bổ vốn (đầu tư, sự nghiệp) hằng năm cho Chương trình; tham mưu bố trí ngân sách thành phố để phục vụ công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành Chương trình; bố trí ngân sách địa phương để thực hiện chính sách ủy thác tín dụng ưu đãi thông qua hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định.

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các Sở, ngành liên quan tổ chức giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình, báo cáo các nội dung có

liên quan đến tình hình thực hiện Chương trình.

d) Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; cơ chế thanh toán, quyết toán nguồn vốn thực hiện Chương trình theo quy định.

4. Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thành phố

a) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố và Ban Chỉ đạo Chương trình điều phối chung việc triển khai thực hiện Kế hoạch; theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện của các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường.

b) Tham mưu tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu; đề xuất kịp thời các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình.

5. Các Sở, ngành thành phố

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động nghiên cứu các nội dung của Kế hoạch để quán triệt, tổ chức thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được giao bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện các tiêu chí, tiêu chí thành phần thuộc lĩnh vực phụ trách; lồng ghép nguồn lực, chương trình, dự án để thực hiện hiệu quả Chương trình trên địa bàn.

6. Báo và Phát thanh, Truyền hình Huế, các cơ quan thông tin truyền thông khác phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện truyền thông về Chương trình.

7. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình bảo đảm sát với yêu cầu thực tế; cân đối, bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện Chương trình trên địa bàn; phấn đấu hoàn thành các mục tiêu của Chương trình đã được phê duyệt.

b) Căn cứ Bộ tiêu chí quốc gia ban hành tại Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện hằng năm và giai đoạn; lồng ghép với các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; chủ động xác định nhiệm vụ, giải pháp và lộ trình thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

c) Nghiên cứu, triển khai thực hiện các nội dung của Nghị định số 358/2025/NĐCP ngày 31/12/2025 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; đồng thời gắn với lộ trình đăng ký hoàn thành xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại đến năm 2030 để đề xuất danh mục công trình, dự án, nguồn lực triển khai thực hiện trong thời gian tới.

d) Tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia thực hiện Chương trình; phát huy vai trò chủ thể của người dân, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, doanh nghiệp trong xây dựng nông thôn mới, bảo đảm thực chất, bền vững, không chạy theo thành tích.

đ) Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường (cơ quan thường trực Chương trình), Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

thành phố và các Sở, ngành liên quan trong công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí trên địa bàn.

e) Định kỳ tổ chức tự đánh giá, rà soát mức độ đạt từng tiêu chí, tiêu chí thành phần, kịp thời đề xuất điều chỉnh kế hoạch, giải pháp thực hiện phù hợp với tình hình thực tế.

f) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình, kết quả triển khai thực hiện Chương trình theo hướng dẫn của cơ quan thường trực; cập nhật, cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác dữ liệu lên Hệ thống thông tin quản lý Chương trình theo quy định.

g) Chịu sự kiểm tra, giám sát, đánh giá của Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan có thẩm quyền; kịp thời khắc phục các tồn tại, hạn chế, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình trên địa bàn.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Huế và tổ chức chính trị - xã hội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ phối hợp triển khai thực hiện chương trình gắn với Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; chủ động triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình theo phân công; tổ chức tuyên truyền, vận động phát huy vai trò chủ thể của nhân dân tham gia thực hiện Chương trình; thực hiện hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các Sở, ngành, địa phương phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Văn phòng Điều phối NTM TW;
- Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Đảng ủy UBND thành phố;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Ủy ban MTTQVN thành phố;
- Các Sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Văn phòng Điều phối NTM thành phố;
- UBND các xã, phường;
- VP: LĐ và các CV;
- Lưu: VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Mạnh

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ GIAO CÁC SỞ, NGÀNH VÀ UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG THỰC HIỆN
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 222 /KH-UBND ngày 16 /4/2026 của UBND thành phố)

| STT | Nội dung thực hiện | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Cơ quan ban hành | Thời gian trình |
|-----------|--|---|---|------------------|--|
| I | Văn bản trình HĐND thành phố ban hành | | | | |
| 1 | Nghị quyết của HĐND thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước của Chương trình phù hợp với địa phương, bảo đảm không trùng lặp nội dung, đối tượng; sử dụng kinh phí tiết. | Sở Tài chính | Sở Tài chính, Sở Nội vụ | HĐND thành phố | Quý II/2026 |
| 2 | Nghị quyết của HĐND thành phố quy định mức hỗ trợ vốn ngân sách nhà nước thực hiện 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn thành phố Huế giai đoạn 2026-2030. | Sở NN&MT | Các Sở, ngành chủ trì tiêu chí; UBND các xã, phường | HĐND thành phố | Quý II/2026 |
| 3 | Rà soát, ban hành các văn bản liên quan về quản lý, điều hành, thực hiện và kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình ở địa phương thuộc thẩm quyền. | Sở NN&MT; Sở Nội vụ; Các cơ quan chủ trì dự án thành phần | Các Sở, ngành có liên quan, UBND các xã, phường | HĐND thành phố | Quý II/2026 |
| II | Văn bản UBND thành phố ban hành | | | | |
| 1 | Kế hoạch triển khai thực hiện nội dung, nhiệm vụ của Nghị quyết số 424/NQ-CP. | Sở NN&MT | Các Sở, ngành chủ trì tiêu chí; UBND các xã, phường | UBND thành phố | Quý II/2026 |
| 2 | Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố Huế giai đoạn 2026 - 2030 và năm 2026. | Sở NN&MT; Sở Nội vụ | Các Sở, ngành chủ trì tiêu chí; UBND các xã, phường | UBND thành phố | Đã ban hành Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 02/3/2026 |
| 3 | Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia hoặc Ban Chỉ đạo Chương trình các cấp và bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo. | Sở Tài chính | Các Sở, ngành có liên quan, UBND các xã, phường | UBND thành phố | Quý II/2026 |
| 4 | Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo; Phân công nhiệm vụ thành viên ban chỉ đạo. | Sở Tài chính | Các Sở, ngành có liên quan, UBND các xã, phường | UBND thành phố | Quý II/2026 |

| STT | Nội dung thực hiện | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Cơ quan ban hành | Thời gian trình |
|------------|---|---------------------------------|---|------------------|-----------------|
| | | | phường | | |
| 5 | Quyết định ban hành danh sách, số lượng xã thuộc xã nhóm 1, xã nhóm 2, xã nhóm 3 để áp dụng Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM và Quy định khung thí điểm xây dựng xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 áp dụng trên địa bàn thành phố | Sở NN&MT | Sở Nội vụ; UBND các xã, phường | UBND thành phố | Quý II/2026 |
| 6 | Quyết định ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 theo từng nhóm xã áp dụng trên địa bàn thành phố | Sở NN&MT | Sở Tư pháp; Các Sở, ngành có liên quan; UBND các xã, phường | UBND thành phố | Quý II/2026 |
| 7 | Quyết định ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2026-2030 | Sở NN&MT | Các Sở, ngành chủ trì tiêu chí; UBND các xã, phường | UBND thành phố | Quý II/2026 |
| 8 | Quyết định ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố, thu hồi quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030. | Sở NN&MT | Các Sở, ngành chủ trì tiêu chí; UBND các xã, phường | UBND thành phố | Quý II/2026 |
| 9 | Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035”. | Sở Nội vụ | Các Sở, ngành có liên quan, UBND các xã, phường | UBND thành phố | Quý II/2026 |
| 10 | Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình vào kỳ họp cuối năm hoặc theo yêu cầu của Chính phủ, HĐND thành phố. | Sở NN&MT | Các Sở, ngành, UBND các xã, phường | UBND thành phố | Năm 2026 - 2030 |
| 11 | Tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết Chương trình giai đoạn 2026-2030 theo quy định. | Sở NN&MT | Các Sở, ngành, UBND các xã, phường | UBND thành phố | Năm 2026 - 2030 |
| III | Văn bản hướng dẫn của các sở, ngành | | | | |
| 1 | Ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết việc áp dụng, triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình và Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030; hướng dẫn cụ thể về quy trình thực hiện, cách thức đánh | Các sở, ngành được giao chủ trì | Sở NN&MT, Sở Nội vụ, UBND các xã, phường | Các Sở, ngành | Quý II/2026 |

| STT | Nội dung thực hiện | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Cơ quan ban hành | Thời gian trình |
|-----------|--|---------------------|--|---------------------|------------------------|
| | giá, thẩm định và hồ sơ minh chứng đối với các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc lĩnh vực, đơn vị phụ trách theo hướng tích hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho UBND các xã, phường trong quá trình triển khai, áp dụng thực hiện. | | | | |
| IV | Văn bản UBND các xã, phường | | | | |
| 1 | Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình theo giai đoạn và hằng năm. | UBND các xã, phường | Sở NN&MT; Các Sở, ngành; Văn phòng Điều phối NTM | UBND các xã, phường | Quý I, II/2026 |
| 2 | Cập nhật, cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác dữ liệu lên Hệ thống thông tin quản lý Chương trình theo quy định. | UBND các xã, phường | Văn phòng Điều phối NTM | UBND các xã, phường | Theo kế hoạch, yêu cầu |
| 3 | Tổ chức tự đánh giá, rà soát mức độ đạt từng tiêu chí, tiêu chí thành phần, kịp thời đề xuất điều chỉnh kế hoạch, giải pháp thực hiện phù hợp với tình hình thực tế. | UBND các xã, phường | Sở NN&MT; Các Sở, ngành; Văn phòng Điều phối NTM | UBND các xã, phường | Năm 2026 - 2030 |
| 4 | Tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia thực hiện Chương trình; phát huy vai trò chủ thể của người dân, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, doanh nghiệp trong xây dựng nông thôn mới, bảo đảm thực chất, bền vững, không chạy theo thành tích. | UBND các xã, phường | Sở NN&MT; Các Sở, ngành; Văn phòng Điều phối NTM | UBND các xã, phường | Năm 2026 - 2030 |